

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

Số: 04/2001/TT-TCBD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 20 tháng 11 năm 2001

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2001/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET, DỊCH VỤ KẾT NỐI INTERNET VÀ DỊCH VỤ ỨNG DỤNG INTERNET TRONG BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Ngày 23/8/2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2001/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet. Tổng cục Bưu điện hướng dẫn việc thực hiện một số quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet như sau:

I. QUI ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh.

1.1 Thông tư này hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet và dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông đối với các đối tượng sau:

1.1.1 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:

- a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP).
- b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP).
- c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông).

1.1.2 Đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng (ISP dùng riêng).

1.1.3 Đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (sau đây gọi là đại lý Internet).

1.1.4 Người sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, người sử dụng dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (sau đây gọi là người sử dụng dịch vụ Internet).

1.1.5 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông liên quan đến hoạt động Internet.

1.2 Các doanh nghiệp, đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet khác và người sử dụng dịch vụ ứng dụng Internet khác không thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông như thông tin, thương mại, ngân hàng, y tế, đào tạo v.v, ngoài việc tuân theo các quy định về truy nhập và kết nối tại Thông tư này còn phải tuân theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Các thuật ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

2.1 Hệ thống thiết bị Internet là tập hợp các thiết bị điện tử, viễn thông, tin học và các thiết bị phụ trợ khác bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm được các đối tượng quy định tại mục I - 1 của Thông tư này thiết lập tại một địa điểm có địa chỉ và phạm vi xác định mà đối tượng đó được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật để phục vụ trực tiếp cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

2.2 Kết nối là việc liên kết các hệ thống thiết bị Internet với nhau và với mạng viễn thông công cộng trên cơ sở các đường truyền dẫn viễn thông tự xây dựng hoặc thuê của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông.

2.3 Mạng lưới thiết bị Internet là tập hợp các hệ thống thiết bị Internet của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet được kết nối với nhau bằng các đường truyền dẫn viễn thông.

2.4 Dịch vụ truy nhập Internet là dịch vụ cung cấp cho người sử dụng khả năng truy nhập đến Internet thông qua hệ thống thiết bị Internet đặt tại điểm truy nhập Internet (Internet POP) của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

2.5 Dịch vụ kết nối Internet bao gồm dịch vụ kết nối Internet quốc tế (dịch vụ IIG) và dịch vụ kết nối Internet trong nước (dịch vụ NIX).

a) Dịch vụ kết nối Internet quốc tế phục vụ việc trao đổi lưu lượng thông tin giữa hệ thống thiết bị Internet của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trong nước với Internet quốc tế.

b) Dịch vụ kết nối Internet trong nước phục vụ việc trao đổi lưu lượng thông tin giữa các hệ thống thiết bị Internet của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trong nước với nhau.

2.6 Dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính là dịch vụ bưu chính trong đó doanh nghiệp có sử dụng mạng lưới thiết bị Internet để cung cấp dịch vụ cho người sử dụng. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính được gọi là OSP bưu chính.

2.7 Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trong đó doanh nghiệp có sử dụng mạng lưới thiết bị Internet để cung cấp dịch vụ cho người sử dụng. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông được gọi là OSP viễn thông.

3. Việc cung cấp và sử dụng dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông được thực hiện thông qua các hình thức giao kết hợp đồng khác nhau theo quy định của pháp luật.

3.1 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ kết nối Internet, hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông phải được lập thành văn bản để ký kết giữa hai bên. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về hợp đồng, các quy định về quản lý cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, các IXP, ISP, OSP bưu

chính, OSP viễn thông có trách nhiệm xây dựng, ban hành hợp đồng mẫu để thực hiện thống nhất trong doanh nghiệp.

3.2 Theo điều kiện kinh doanh thực tế các ISP, OSP bưu chính, OSP viễn thông quyết định các hình thức giao kết hợp đồng khác nhau đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông. Trong trường hợp giao kết hợp đồng được thực hiện dưới hình thức văn bản ký kết giữa hai bên, các ISP, OSP bưu chính, OSP viễn thông có trách nhiệm xây dựng, ban hành hợp đồng mẫu để thực hiện thống nhất trong doanh nghiệp.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG VIỆC CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET

1. Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ chung do pháp luật quy định, đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1 Quyền của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

1.1.1 IXP có các quyền:

a) Tự xây dựng hoặc thuê đường truyền dẫn viễn thông trong nước để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet tại các cơ sở của doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ kết nối Internet cho các ISP, ISP dùng riêng và các OSP.

b) Thuê đường truyền dẫn viễn thông quốc tế của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông đã được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông tại Việt nam để kết nối mạng lưới thiết bị Internet của mình với Internet quốc tế.

c) Chủ động đàm phán và ký kết thoả thuận kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ Internet quốc tế để kết nối mạng lưới thiết bị Internet của mình với Internet quốc tế và cung cấp dịch vụ kết nối Internet cho các ISP, ISP dùng riêng, các OSP trong nước và quốc tế.

d) Được sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

đ) Mở và cung cấp khả năng kết nối đến tất cả các dịch vụ và địa chỉ Internet.

e) Tạm ngừng cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp dịch vụ một cách hạn chế trong trường hợp khẩn cấp để đảm bảo an ninh quốc gia, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1.2 ISP có các quyền:

a) Thiết lập hệ thống thiết bị Internet tại cơ sở và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng của doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho người sử dụng dịch vụ Internet ở Việt nam và ở nước ngoài.

b) Thuê đường truyền dẫn viễn thông trong nước để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp và kết nối với hệ thống thiết bị Internet của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khác; với mạng viễn thông công

cộng; với hệ thống thiết bị Internet của các đại lý Internet và với người sử dụng dịch vụ Internet của mình.

c) Chủ động đàm phán và ký kết thoả thuận dịch vụ với các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trong nước và quốc tế để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet.

d) Được sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

đ) Giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ truy nhập Internet với người sử dụng dịch vụ Internet và ký hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập Internet với các tổ chức và cá nhân.

e) Cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuê hệ thống thiết bị Internet để cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet, dịch vụ thông tin Internet; cho người sử dụng dịch vụ Internet thuê hệ thống thiết bị Internet để đặt các loại hình tin tức điện tử trên Internet.

g) Từ chối cung cấp dịch vụ trong các trường hợp sau: việc cung cấp dịch vụ không thể thực hiện được do các điều kiện kinh tế, kỹ thuật của mạng lưới, thiết bị viễn thông và Internet; người sử dụng dịch vụ Internet vi phạm pháp luật về Internet theo văn bản kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người sử dụng dịch vụ Internet không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cước dịch vụ theo quy định với một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác, nếu đã có thoả thuận bằng văn bản giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ với nhau về vấn đề này.

h) Tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ trong các trường hợp sau: thiết bị truy nhập đầu cuối Internet gây mất an toàn cho hệ thống thiết bị Internet; cho doanh nghiệp cung cấp và người sử dụng dịch vụ Internet; người sử dụng dịch vụ Internet không thanh toán cước dịch vụ theo thoả thuận giữa hai bên; người sử dụng dịch vụ Internet kinh doanh lại dịch vụ Internet trái pháp luật; người sử dụng dịch vụ Internet lợi dụng Internet để hoạt động gây phương hại đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội theo văn bản kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1.3 ISP dùng riêng có các quyền:

a) Thiết lập hệ thống thiết bị Internet tại cơ sở của mình để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho các thành viên là đối tượng được qui định trong giấy phép.

b) Thuê đường truyền dẫn viễn thông trong nước để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet của đơn vị và kết nối với hệ thống thiết bị Internet của các IXP, ISP; với mạng viễn thông công cộng và với hệ thống thiết bị Internet của các thành viên sử dụng dịch vụ truy nhập Internet của đơn vị.

c) Mở và cung cấp khả năng truy nhập đến các dịch vụ Internet theo yêu cầu của đơn vị, trừ các dịch vụ bị cấm hoặc chưa được phép cung cấp và các địa chỉ Internet bị cấm truy nhập do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành và công bố.

d) Được sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

đ) Tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ truy nhập Internet nếu phát hiện thấy việc thành viên sử dụng dịch vụ Internet lợi dụng Internet để hoạt động gây phương hại đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

1.1.4 OSP bưu chính, OSP viễn thông có các quyền:

a) Xin phép cung cấp các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ bưu chính trên Internet.

b) Thiết lập hệ thống thiết bị Internet tại cơ sở và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng của doanh nghiệp để cung cấp các dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet theo đúng quy định của giấy phép.

c) Thuê đường truyền dẫn viễn thông trong nước để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet và kết nối với hệ thống thiết bị Internet của các ISP, IXP.

d) Được sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

đ) Được thiết lập các trang tin điện tử để phục vụ trực tiếp cho việc cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông theo các qui định về quản lý các loại hình tin tức điện tử trên Internet.

e) Giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông với người sử dụng dịch vụ Internet và ký hợp đồng đại lý với các tổ chức và cá nhân.

g) Việc từ chối, ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông cho người sử dụng dịch vụ Internet được thực hiện theo như qui định tại các mục II - 1.1.2- g và II - 1.1.2 - h của Thông tư này.

1.2 Nghĩa vụ của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông:

a) Chấp hành đúng các quy định về cấp phép và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ.

c) Thực hiện các quy định về quản lý giá cước dịch vụ.

d) Sử dụng đúng, hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên Internet được phân bổ. Tuân thủ các qui định về quản lý tài nguyên Internet.

đ) Chấp hành đúng các quy định về kết nối và truy nhập Internet.

e) Tuân thủ các qui định của pháp luật trong việc đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ Internet.

g) Ban hành qui trình, thủ tục khai thác dịch vụ. Phổ biến và hướng dẫn đại lý Internet, người sử dụng dịch vụ Internet tuân thủ các qui định về khai thác, sử dụng dịch vụ và thông tin trên Internet theo đúng quy định của pháp luật.

h) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng lưới thiết bị Internet và thông tin trên Internet. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ để bảo vệ mật khẩu, khoá mật mã và thông tin riêng của người sử dụng dịch vụ Internet.

i) Bố trí mặt bằng, điểm truy nhập mạng lưới thiết bị Internet và các điều kiện kỹ thuật cần thiết cho các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an trong khi thi hành nhiệm vụ bảo đảm an ninh thông tin trong các hoạt động Internet.

k) Phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng cục Bưu điện, các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết để phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi lợi dụng Internet để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

l) Báo cáo định kỳ 06 tháng một lần và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Tổng cục Bưu điện.

2. Quyền và nghĩa vụ của đại lý Internet.

2.1 Đại lý Internet có các quyền:

a) Lựa chọn ISP, OSP bưu chính, OSP viễn thông để ký hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông.

b) Thiết lập hệ thống thiết bị Internet trong phạm vi các địa điểm mà mình được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông cho người sử dụng dịch vụ Internet tại các địa điểm đó.

c) Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông cho người sử dụng dịch vụ Internet theo đúng loại hình, chất lượng, giá cước thoả thuận trong hợp đồng đại lý và hưởng hoa hồng, hoặc bán lại dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ Internet trên cơ sở mua dịch vụ của ISP, OSP bưu chính, OSP viễn thông theo loại hình, chất lượng, giá cước thoả thuận trong hợp đồng đại lý và bán lại dịch vụ cho người sử dụng dịch vụ Internet theo giá cước tự quy định và tự chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ đối với người sử dụng dịch vụ Internet.

2.2 Đại lý Internet có các nghĩa vụ:

a) Chấp hành đúng các quy định về đăng ký kinh doanh và nộp thuế theo quy định của pháp luật.

b) Chấp hành đúng các quy định về kết nối và truy nhập.

c) Tuân thủ các qui định của pháp luật về việc đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ Internet.

d) Hướng dẫn người sử dụng dịch vụ Internet tuân thủ các qui định về khai thác, sử dụng dịch vụ và thông tin trên Internet theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet của mình. Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước thực hiện các biện pháp bảo đảm an

toàn mạng lưới thiết bị Internet, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn tội phạm máy tính trong hoạt động Internet.

e) Thực hiện đầy đủ các điều khoản, điều kiện ghi trong hợp đồng đại lý ký với ISP, OSP bưu chính, OSP viễn thông.

3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ Internet.

3.1 Người sử dụng dịch vụ Internet có các quyền:

a) Sử dụng các thiết bị truy nhập Internet di động, hoặc tự lắp đặt hệ thống thiết bị Internet trong phạm vi địa điểm mà mình được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật để truy nhập đến ISP, ISP dùng riêng bằng phương thức kết nối trực tiếp qua kênh truyền dẫn hoặc quay số qua mạng viễn thông công cộng.

b) Thuê đường truyền dẫn viễn thông trong nước để kết nối hệ thống thiết bị Internet của mình đến hệ thống thiết bị Internet của ISP, ISP dùng riêng.

c) Sử dụng các dịch vụ ứng dụng Internet của các OSP trong nước và nước ngoài, trừ các dịch vụ bị cấm hoặc chưa được phép sử dụng.

d) Thuê đặt các loại hình tin tức điện tử tại hệ thống thiết bị Internet của các ISP, OSP trong nước và ở nước ngoài theo các qui định về quản lý các loại hình tin tức điện tử trên Internet.

đ) Khiếu nại và được bồi thường khi quyền lợi hợp pháp của mình bị vi phạm theo các qui định của pháp luật.

3.2 Người sử dụng dịch vụ Internet có các nghĩa vụ:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin mà mình đưa vào lưu trữ và truyền đi trên Internet.

b) Chịu trách nhiệm giữ bí mật mật khẩu, khoá mật mã, thông tin riêng và bảo vệ hệ thống thiết bị Internet của mình.

c) Không truy nhập đến các nhà cung cấp dịch vụ Internet nước ngoài bằng việc quay số điện thoại quốc tế trực tiếp. Quy định này không áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ kênh thuê riêng quốc tế, kênh truyền số liệu quốc tế (ví dụ X25, Frame Relay, ...) thông qua hợp đồng ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet của mình. Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn mạng lưới thiết bị Internet, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn tội phạm máy tính trong hoạt động Internet.

đ) Thanh toán cước sử dụng dịch vụ đầy đủ, đúng hạn cho doanh nghiệp, đại lý Internet theo thoả thuận giữa các bên.

e) Không sử dụng các dịch vụ ứng dụng Internet đang bị cấm hoặc chưa được phép sử dụng.

g) Không kinh doanh lại các dịch vụ Internet.

4. Liên quan đến các hoạt động Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có nghĩa vụ:

- a) Không phân biệt đối xử đối với các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, đại lý Internet và người sử dụng dịch vụ Internet.
- b) Cung cấp đường truyền dẫn viễn thông và hạ tầng kỹ thuật cho các doanh nghiệp, đại lý Internet và người sử dụng dịch vụ Internet trên cơ sở hợp đồng giao kết giữa các bên trong các điều kiện công bằng và hợp lý để bảo đảm kịp thời việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet theo đúng các qui định về chất lượng, giá cước do Nhà nước qui định.
- c) Phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP), dịch vụ truy nhập Internet (ISP) trên cơ sở thỏa thuận hoặc hợp đồng ký kết giữa các bên trong việc cung cấp tên, địa chỉ, số máy điện thoại và thời gian truy nhập của các thuê bao viễn thông truy nhập Internet liên quan đến việc sử dụng trái phép dịch vụ Internet. Nội dung của thỏa thuận hoặc hợp đồng nêu trên phải phù hợp với các qui định hiện hành về viễn thông và Internet đối với việc đảm bảo bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân. Đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet chỉ được sử dụng các thông tin nêu trên cho việc giải quyết khiếu nại liên quan đến việc sử dụng trái phép dịch vụ Internet.
- d) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn mạng lưới thiết bị Internet, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn tội phạm máy tính trong hoạt động Internet.

III. CẤP PHÉP

1. Các loại giấy phép

- a) Giấy phép cung cấp dịch vụ kết nối Internet cấp cho IXP.
- b) Giấy phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cấp cho ISP.
- c) Giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính cấp cho OSP bưu chính.
- d) Giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông cấp cho OSP viễn thông.
- đ) Giấy phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng cấp cho ISP dùng riêng.

2. Thời hạn giấy phép được xác định tùy theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin phép; qui mô và phạm vi cung cấp dịch vụ nhưng tối đa không quá 10 năm đối với tất cả các loại giấy phép nêu trên.

3. Các nguyên tắc cấp phép

3.1 Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển Internet Việt Nam.

3.2 Ưu tiên các đề án xin phép cung cấp dịch vụ cho các vùng sâu, vùng xa; phục vụ trực tiếp phát triển công nghệ thông tin; có điều kiện nhanh chóng triển khai mạng lưới thiết bị Internet trên thực tế; có quy mô triển khai mạng lưới trên phạm vi rộng, nhằm bảo đảm cho người sử dụng dịch vụ truy nhập, dịch

vụ kết nối Internet bằng mức cước viễn thông nội hạt, nội vùng. Đối với việc cung cấp dịch vụ kết nối Internet, ưu tiên cấp giấy phép cho các doanh nghiệp có hệ thống đường trục viễn thông để nhanh chóng triển khai mạng lưới thiết bị Internet trên thực tế.

3.3 Đơn vị, doanh nghiệp chỉ được phép chính thức cung cấp dịch vụ sau khi đã thực hiện và triển khai trên thực tế đầy đủ các quy định của giấy phép, các cam kết trong hồ sơ xin phép và có văn bản xác nhận của đoàn kiểm tra liên ngành do Tổng cục Bưu điện thành lập. Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình triển khai trên thực tế mạng lưới thiết bị Internet và các biện pháp đảm bảo an toàn và an ninh thông tin trên cơ sở các cam kết của đơn vị, doanh nghiệp trong đề án xin phép.

4. Cơ quan cấp phép

Tổng cục Bưu điện cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP), cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP), cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng (ISP dùng riêng), cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông). Địa chỉ tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin cấp phép: *Tổng cục Bưu điện, 18 - Nguyễn Du, Hà Nội.*

5. Phí, lệ phí cấp phép được áp dụng theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

A. ĐIỀU KIỆN CẤP PHÉP

6. Điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP).

6.1 Điều kiện về tư cách pháp lý.

- a) Doanh nghiệp nhà nước hoặc công ty cổ phần mà Nhà nước chiếm cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt.
- b) Đã có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông hoặc công nghệ thông tin với thời gian tối thiểu là 03 năm.

6.2 Điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ.

Đề án cung cấp dịch vụ trong hồ sơ xin phép của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau :

- a) Mạng lưới thiết bị Internet ban đầu của doanh nghiệp phải có ít nhất 02 hệ thống thiết bị Internet cung cấp cả dịch vụ IIG và dịch vụ NIX đặt tại hai vùng khác nhau. Các hệ thống thiết bị Internet của doanh nghiệp phải được kết nối với nhau và kết nối ít nhất với 02 hướng đi Internet quốc tế. Dung lượng đường truyền dẫn viễn thông ban đầu mỗi hướng trong nước và đi quốc tế phải đạt tối thiểu 02 Mb/s.
- b) Có phương án phát triển mạng lưới thiết bị Internet và phương án kinh doanh khả thi và phù hợp với các quy định hiện hành về kết nối, giá cước, chất lượng dịch vụ và tài nguyên Internet.

c) Mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp phải có các phương án dự phòng để đảm bảo độ an toàn cho hoạt động cung cấp dịch vụ kết nối Internet khi có sự cố về kỹ thuật.

6.3 Điều kiện về an toàn, an ninh thông tin: có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet và thông tin trên Internet, đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia có thể tạm ngừng việc cung cấp hoặc cung cấp hạn chế dịch vụ kết nối Internet theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7. Điều kiện xét cấp phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP).

7.1 Điều kiện về tư cách pháp lý.

a) Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, muốn thiết lập mạng lưới thiết bị Internet và cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tại Việt Nam, phải tuân theo các quy định về quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

b) Đã có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông hoặc công nghệ thông tin với thời gian tối thiểu là 02 năm.

7.2 Điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ.

Đề án cung cấp dịch vụ trong hồ sơ xin phép của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau :

a) Mạng lưới thiết bị Internet ban đầu của doanh nghiệp phải có ít nhất 02 điểm truy nhập Internet (Internet POP) đặt tại 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau. Điều kiện này không áp dụng đối với các vùng sâu, vùng xa.

b) Có phương án phát triển mạng lưới thiết bị Internet và phương án kinh doanh khả thi và phù hợp với các quy định hiện hành về kết nối, giá cước, chất lượng dịch vụ và tài nguyên Internet.

c) Mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp phải có các phương án dự phòng để đảm bảo độ an toàn cho hoạt động cung cấp dịch vụ truy nhập Internet khi có sự cố về kỹ thuật.

7.3 Điều kiện về an toàn, an ninh thông tin: có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet và thông tin trên Internet theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Điều kiện xét cấp phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng (ISP dùng riêng).

8.1 Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin cấp phép phải là đầu mối tổ chức việc cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho các thành viên của hai hay nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có cùng chung tính chất hoạt động hay mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên.

8.2 Việc cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng không vì mục đích kinh doanh và bảo đảm phi lợi nhuận.

8.3 Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet và thông tin trên Internet theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Điều kiện xét cấp phép cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông).

9.1 Điều kiện về tư cách pháp lý.

9.1.1 OSP viễn thông:

a) Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, muốn thiết lập mạng lưới thiết bị Internet và cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông tại Việt Nam, phải tuân theo các quy định về quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

b) Đã có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông hoặc công nghệ thông tin với thời gian tối thiểu là 02 năm.

9.1.2 OSP bưu chính: Doanh nghiệp đã có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ bưu chính tại Việt Nam với thời gian tối thiểu là 02 năm.

9.2 Điều kiện về kỹ thuật, nghiệp vụ.

Đề án cung cấp dịch vụ trong hồ sơ xin phép của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau :

a) Có phương án khả thi và phù hợp với các quy định hiện hành về kết nối, giá cước, chất lượng dịch vụ và tải nguyên Internet.

b) Mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp phải có các phương án dự phòng để đảm bảo độ an toàn cho hoạt động cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet khi có sự cố về kỹ thuật.

9.3 Điều kiện về an toàn, an ninh thông tin: có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thiết bị Internet và thông tin trên Internet theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

B. THỦ TỤC CẤP PHÉP

10. Hồ sơ xin cấp phép.

Hồ sơ xin cấp phép của đơn vị, doanh nghiệp được lập thành 03 bộ (01 bộ là bản chính, 02 bộ là bản sao). Mỗi bộ hồ sơ gồm:

10.1 Đơn xin cấp giấy phép của đơn vị, doanh nghiệp.

10.2 Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập đơn vị, doanh nghiệp hoặc giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

10.3 Điều lệ tổ chức và hoạt động hoặc văn bản qui định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của đơn vị, doanh nghiệp.

10.4 Đối với doanh nghiệp xin phép cung cấp dịch vụ Internet : Văn bản của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp (nếu có) chấp thuận việc đơn vị, doanh nghiệp tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ Internet.

Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin phép cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng: Văn bản xác định đơn vị xin phép là đầu mối tổ chức việc cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho các thành viên và văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên.

10.5 Đề án cung cấp dịch vụ cho 05 năm đầu gồm các nội dung chính sau:

a) Kế hoạch kinh doanh (kế hoạch cung cấp dịch vụ đối với ISP dùng riêng) gồm loại hình dịch vụ; phạm vi cung cấp dịch vụ; tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ; giá cước dịch vụ; dự báo thị trường, doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng giai đoạn; hình thức đầu tư; nhân lực.

b) Kế hoạch kỹ thuật gồm cấu hình hệ thống bao gồm cả phần chính và dự phòng; Năng lực hệ thống thiết bị Internet và dung lượng đường truyền dẫn viễn thông trong nước và quốc tế; tài nguyên Internet; biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an toàn hệ thống thiết bị Internet và an ninh thông tin.

11. Thời gian xử lý hồ sơ.

Tổng cục Bưu điện tiến hành thẩm định và cấp phép hoặc từ chối cấp phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Tổng cục Bưu điện sẽ trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho đơn vị, doanh nghiệp xin phép biết.

12. Bổ sung, sửa đổi giấy phép.

12.1 Trong thời gian hiệu lực của giấy phép, nếu đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép muốn sửa đổi, bổ sung giấy phép thì phải gửi hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung giấy phép đến Tổng cục Bưu điện. Hồ sơ xin bổ sung, sửa đổi giấy phép bao gồm:

- a) Đơn xin bổ sung, sửa đổi giấy phép.
- b) Báo cáo mô tả chi tiết nội dung bổ sung, sửa đổi và các tài liệu có liên quan.
- c) Bản sao giấy phép đang có hiệu lực.

12.2 Tổng cục Bưu điện tiến hành thẩm định và xét cấp phép hoặc từ chối cấp phép bổ sung, sửa đổi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối bổ sung, sửa đổi giấy phép, Tổng cục Bưu điện sẽ trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho đơn vị, doanh nghiệp xin phép biết.

13. Gia hạn giấy phép.

13.1 Đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép muốn gia hạn giấy phép phải gửi hồ sơ xin gia hạn giấy phép đến Tổng cục Bưu điện. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép bao gồm:

- a) Đơn xin gia hạn giấy phép.
- b) Bản sao giấy phép đang có hiệu lực.

13.2 Tổng cục Bưu điện thẩm định và xét gia hạn giấy phép trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, Tổng cục Bưu điện sẽ trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho đơn vị, doanh nghiệp xin phép biết.

13.3 Thời gian gia hạn giấy phép hoặc tổng thời gian của các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 01 năm. Sau thời gian gia hạn nêu trên nếu đơn vị, doanh nghiệp muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ thì phải làm lại thủ tục xin cấp phép mới.

14. Thu hồi giấy phép.

14.1 Ngoài việc thu hồi giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 41 Nghị định 55/2001/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, giấy phép cung cấp dịch vụ Internet sẽ bị thu hồi nếu sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày cấp phép, đơn vị, doanh nghiệp không triển khai trên thực tế các nội dung ghi trong giấy phép mà không có lý do xác đáng.

14.2 Đơn vị, doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép do không triển khai trên thực tế các nội dung ghi trong giấy phép, không được xin cấp phép lại trong vòng 02 năm kể từ ngày bị thu hồi giấy phép. Sau 02 năm nếu đơn vị, doanh nghiệp này muốn xin cấp phép lại phải thực hiện đầy đủ các thủ tục như trường hợp xin cấp phép mới.

IV. KẾT NỐI

1. Việc kết nối giữa các IXP, ISP, ISP dùng riêng, OSP và mạng viễn thông công cộng được thực hiện thông qua hợp đồng hoặc thoả thuận kết nối ký kết giữa các bên trong các điều kiện công bằng và hợp lý, trên cơ sở sử dụng hiệu quả tài nguyên Internet, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ Internet. Trường hợp các bên không thoả thuận được Tổng cục Bưu điện sẽ xem xét và quyết định trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, doanh nghiệp.

2. Các ISP, ISP dùng riêng, OSP không được xây dựng mà phải thuê đường truyền dẫn viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet của mình và kết nối với mạng viễn thông công cộng, với hệ thống thiết bị Internet của đại lý Internet và người sử dụng dịch vụ Internet. Các trường hợp đặc biệt Tổng cục Bưu điện sẽ có quy định riêng.

3. Các IXP được kết nối với nhau, với Internet quốc tế và với mạng viễn thông công cộng.

4. Các ISP được kết nối với nhau, với các IXP và với mạng viễn thông công cộng.

5. Các ISP dùng riêng được kết nối với các ISP, IXP và với mạng viễn thông công cộng nhưng không được kết nối trực tiếp với nhau.

6. Các OSP, ICP được kết nối với các ISP, IXP.

7. Các đại lý Internet được kết nối đến các ISP, OSP ký hợp đồng đại lý với mình.

V. KHIẾU NẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Khiếu nại về nghiệp vụ.

1.1 Các bên tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông có quyền khiếu nại về nghiệp vụ khi quyền lợi hợp pháp của mình bị vi phạm.

1.2 Việc khiếu nại về nghiệp vụ phải được thực hiện bằng đơn khiếu nại gửi tới bên bị khiếu nại. Bên khiếu nại phải cung cấp những giấy tờ, chứng cứ liên quan đến việc khiếu nại cho bên bị khiếu nại và chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại của mình.

1.3. Trong quá trình khiếu nại, bên khiếu nại vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán tài chính theo quy định hoặc theo thoả thuận giữa các bên.

1.4 Thời hiệu khiếu nại về nghiệp vụ được quy định như sau:

- a) Thời hiệu khiếu nại về giá cước là 01 tháng kể từ ngày thanh toán cước phí.
- b) Thời hiệu khiếu nại về chất lượng dịch vụ và các vi phạm khác là 03 tháng kể từ ngày sử dụng dịch vụ hoặc ngày xảy ra vi phạm.

1.5 Thời hạn giải quyết khiếu nại về nghiệp vụ giữa các bên được quy định tối đa là 02 tháng, kể từ ngày bên bị khiếu nại nhận được đơn khiếu nại.

1.6 Trong trường hợp bên khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của bên bị khiếu nại, thì bên khiếu nại có thể khởi kiện ra toà để giải quyết theo quy định tố tụng của pháp luật hoặc gửi đơn khiếu nại tới Tổng cục Bưu điện để xem xét giải quyết theo trình tự và trong thời hạn quy định của pháp luật.

2. Hoàn cước và bồi thường.

2.1 Nếu do lỗi của mình mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông không bảo đảm chất lượng dịch vụ đã công bố hoặc đã thoả thuận với người sử dụng dịch vụ Internet, thì doanh nghiệp phải hoàn trả một phần hoặc toàn bộ cước đã thu.

2.2 Các bên tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông có trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra cho phía bên kia trong việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ Internet theo các quy định của pháp luật.

2.3 Trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật các bên tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho phía bên kia.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Trên cơ sở thông tư này các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối, dịch vụ truy nhập Internet và dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông chịu trách nhiệm:

a) Ban hành qui trình, thủ tục khai thác dịch vụ.

b) Phổ biến, hướng dẫn các đơn vị thành viên, các đại lý Internet và người sử dụng dịch vụ Internet thực hiện thông tư này và các văn bản có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Tổng cục Bưu điện để xem xét, bổ sung, sửa đổi.

Nơi nhận:

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC
BƯU ĐIỆN**

- Văn phòng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc T.W,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Các đơn vị trực thuộc TCBD,
- Các doanh nghiệp viễn thông và Internet,
- Công báo,
- Lưu CSBD, VT.